

NGHIÊN CỨU CƠ CHẾ HOẠT ĐỘNG CỦA MÔ HÌNH BẢO HIỂM CHO CHĂN NUÔI BÒ SỮA CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN GIỐNG BÒ SỮA MỘC CHÂU

Nguyễn Mậu Dũng*, Lê Kim Oanh

Khoa Kinh tế và Phát triển nông thôn, Học viện Nông nghiệp Việt Nam

Email: maudung@vnua.edu.vn*

Ngày nhận bài: 08.10.2015

Ngày chấp nhận: 01.04.2016

TÓM TẮT

Nghiên cứu này được thực hiện nhằm tìm hiểu cơ chế hoạt động của mô hình bảo hiểm cho chăn nuôi bò sữa của Công ty cổ phần giống bò sữa Mộc Châu. Bên cạnh nguồn số liệu thứ cấp, 96 hộ chăn nuôi bò sữa tham gia mô hình bảo hiểm của công ty được phỏng vấn để thu thập các số liệu cần thiết phục vụ cho quá trình nghiên cứu. Kết quả nghiên cứu cho thấy mô hình bảo hiểm nông nghiệp cho chăn nuôi bò sữa của Công ty hiện đã thu hút sự tham gia của hơn 500 hộ chăn nuôi bò sữa trong vùng với 9.411 con bò sữa đã được mua bảo hiểm. Sự thành công của mô hình bảo hiểm này xuất phát từ cơ chế hoạt động của mô hình được xây dựng dựa trên sự tham gia đóng góp ý kiến của chính các hộ chăn nuôi bò sữa, từ yêu cầu chặt chẽ về đối tượng được tham gia mua bảo hiểm, từ hoạt động hỗ trợ kỹ thuật và tài chính của công ty cho các hộ tham gia bảo hiểm, từ hình thức đền bù linh hoạt và từ công tác giám định khi xảy ra rủi ro một cách khách quan, chính xác. Đây là những bài học kinh nghiệm quan trọng cho việc thiết kế các chương trình bảo hiểm nông nghiệp, đặc biệt là bảo hiểm cho vật nuôi trong tương lai.

Từ khóa: Bảo hiểm nông nghiệp, bò sữa, chăn nuôi, cơ chế.

A Study on Operational Mechanism of the Insurance Model for Dairy Cow Farming in Moc Chau Dairy Cattle Breeding Joint Stock Company

ABSTRACT

This study was conducted to investigate the operational mechanism of the insurance model for dairy cow farming in Moc Chau Dairy Cattle Breeding Joint Stock Company. In addition to the secondary data, 96 dairy cow farm households who participated the insurance model of the company were selected for direct interviews. The study results show that the insurance model for dairy cows in the company attracted the participation of more than 500 dairy cow farming households with a total of 9411 cows. The success of this insurance model was derived from its relevant mechanism based on the consultative opinions of dairy farmers, close requirements for becoming insured, technical and financial supports by the company, flexible compensation schemes, and transparent and correct risk assessment. These are the valuable lessons for designing agricultural insurance program, especially animal insurance program in Vietnam in the coming time.

Keywords: Agricultural insurance, animal husbandry, dairy cows, scheme.

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Mộc Châu là cao nguyên lớn trải dài khoảng 80km, rộng 25km với 1.600ha đồng cỏ rất thuận lợi cho phát triển chăn nuôi gia súc, đặc biệt là chăn nuôi bò sữa (CNBS). CNBS đã và đang đóng vai trò hết sức quan trọng trong phát triển

kinh tế của nhiều hộ gia đình trên địa bàn huyện Mộc Châu. Với quy mô đàn bò đạt 14.608 con tập trung chủ yếu quanh Công ty cổ phần giống bò sữa (CTCPGBS) Mộc Châu, ngành CNBS đã tạo việc làm và thu nhập ổn định cho khoảng 1.600 lao động trong vùng (Đức Hiền, 2014). Tuy nhiên, rủi ro về dịch bệnh và về thị

trường trong CNBS đã gây không ít khó khăn cho các hộ CNBS và là một trong những nguyên nhân chính cản trở sự phát triển đàn bò sữa của các hộ trong vùng. Nhằm giúp các hộ nông dân yên tâm phát triển đàn bò sữa của mình, từ năm 2004 CTCPGBS Mộc Châu đã xây dựng mô hình bảo hiểm (MHBH) nông nghiệp cho CNBS. MHBH cho CNBS của công ty đã thu hút sự tham gia của đông đảo các hộ CNBS trên địa bàn huyện và hiện được coi là MHBH cho vật nuôi thành công ở Việt Nam (Thảo Nguyên, 2014). Sự thành công của MHBH bò sữa này là do cơ chế hoạt động phù hợp, bao gồm cách xác định đối tượng tham gia bảo hiểm, phương thức hỗ trợ đối với những hộ CNBS tham gia bảo hiểm, cách thức xác định rủi ro và bồi thường thiệt hại khi có rủi ro xảy ra (Thanh Nguyên, 2011). Trong bối cảnh các MHBH nông nghiệp thí điểm được triển khai theo quyết định số 315/QĐ-TTg của Thủ tướng chính phủ đang gặp nhiều khó khăn thì sự thành công của MHBH cho CNBS ở CTCPGBS Mộc Châu đã và đang nhận được sự quan tâm của nhiều nhà nghiên cứu cũng như của các đơn vị có liên quan, đặc biệt trong việc thiết kế, xây dựng cơ chế hoạt động của MHBH. Chính vì vậy mục đích của nghiên cứu này là tìm hiểu cơ chế hoạt động của MHBH cho CNBS của CTCPGBS Mộc Châu, từ đó rút ra những bài học kinh nghiệm cho việc triển khai thực hiện các MHBH cho vật nuôi trong thời gian tới.

2. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Số liệu thứ cấp về tình hình CNBS, tình hình tham gia MHBH, kết quả hoạt động của MHBH cho CNBS của công ty... được thu thập từ các báo cáo của phòng Nông nghiệp và PTNT huyện Mộc Châu, từ các báo cáo tổng kết hàng năm của CTCPGBS Mộc Châu. Số liệu sơ cấp được thu thập thông qua việc điều tra phỏng vấn hộ chăn nuôi bò sữa ở 10 đơn vị chăn nuôi của Công ty và từ các cán bộ là thành viên của Quỹ bảo hiểm của công ty vào năm 2014. Theo công thức ước tính số mẫu $n = N/(1+N.e^2)$ của

Yamane (1967) với số hộ tham gia bảo hiểm là 512 hộ thì số lượng mẫu 84 hộ có thể đảm bảo tính đại diện ở mức độ tin cậy là 90%. Do công ty có 10 đơn vị chăn nuôi khác nhau nên nghiên cứu đã chọn ngẫu nhiên 9 - 10 hộ có tham gia bảo hiểm/đơn vị chăn nuôi để tiến hành điều tra. Do vậy tổng số hộ chăn nuôi được điều tra là 96 hộ. Các nội dung điều tra chủ yếu bao gồm tình hình CNBS của hộ, tình hình tham gia bảo hiểm cho CNBS, ý kiến đánh giá của hộ về cơ chế hoạt động của MHBH... Phương pháp thống kê mô tả, phương pháp phân tích so sánh là những phương pháp chủ yếu được sử dụng trong quá trình nghiên cứu.

3. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

3.1. Khái quát về tình hình CNBS ở trên địa bàn huyện Mộc Châu

Mộc Châu có điều kiện tự nhiên rất thuận lợi cho việc phát triển chăn nuôi gia súc, đặc biệt là CNBS. CNBS đã xuất hiện trên địa bàn huyện, tập trung chủ yếu ở CTCPGBS Mộc Châu (tiên thân là Nông trường bò sữa Mộc Châu) từ hơn nửa thế kỷ và Mộc Châu đã trở thành địa phương CNBS nổi tiếng ở miền Bắc. Thương hiệu sữa Mộc Châu ngày càng được người tiêu dùng cả nước biết đến và lựa chọn tiêu dùng hàng ngày. Năm 2011, thương hiệu sữa Mộc Châu đã đạt danh hiệu “Hàng Việt Nam chất lượng cao” do người tiêu dùng bình chọn.

Số liệu trong bảng 1 cho thấy quy mô đàn bò sữa trên địa bàn huyện Mộc Châu tăng khá nhanh trong 3 năm 2011-2013 với tốc độ tăng bình quân đạt 32,6 %/năm. Bên cạnh đó năng suất cho sữa bình quân cũng liên tục tăng (3,5% năm) nên tổng sản lượng sữa cũng tăng nhanh (tăng bình quân 26,9 %/năm). Cùng với giá bán sữa trong các năm qua đều tăng nên tổng giá trị sản phẩm sữa trên địa bàn huyện đã tăng từ 401,4 tỷ đồng năm 2011 lên 724,8 tỷ đồng trong năm 2013. Đây thực sự là giai đoạn phát triển nhanh của ngành CNBS, góp phần đáng kể vào tạo việc làm, tăng thu nhập và phát triển kinh tế của các hộ gia đình trên địa bàn huyện.

3.2. Cơ chế hoạt động của MHBH cho CNBS của CTCPGBS Mộc Châu

3.2.1. Khái quát về MHBH cho CNBS của công ty

CTCPGBS Mộc Châu (trực thuộc thuộc Tổng Công ty chăn nuôi Việt Nam - Bộ Nông nghiệp & PTNT), có trụ sở chính nằm ở thị trấn Nông trường Mộc Châu với chức năng hoạt động là CNBS, nhân giống, sản xuất chế biến sữa và các sản phẩm từ sữa. Tiền thân của công ty là Nông trường bò sữa Mộc Châu cho nên đa số các chủ hộ CNBS hiện nay đều là công nhân của nông trường bò sữa Mộc Châu trước kia. Để ổn định tình hình sản xuất, chế biến và kinh doanh sản phẩm sữa của công ty đồng thời góp phần giảm thiểu rủi ro cho các hộ CNBS trên địa bàn, từ năm 2004 công ty đã xây dựng MHBH cho CNBS. Hiện nay, MHBH cho CNBS của công ty bao gồm hai loại đó là bảo hiểm vật nuôi (bò sữa) và bảo hiểm giá sữa. Trong MHBH này, bên cung cấp dịch vụ bảo hiểm là CTCPGBS Mộc Châu (đại diện là Ban quản lý quỹ bảo hiểm) nhận các khoản phí đóng góp tham gia bảo hiểm từ các hộ CNBS và có trách nhiệm thực hiện chi trả, bồi thường cho bên tham gia bảo hiểm khi phát sinh rủi ro cũng như có trách nhiệm quản lý, đầu tư cho Quỹ bảo hiểm phát triển. Bên mua bảo hiểm (là các hộ CNBS) có trách nhiệm đóng góp phí bảo hiểm theo quy định.

Số liệu trong bảng 2 cho thấy số bò, bê được mua bảo hiểm liên tục tăng lên, đạt 9411 con vào năm 2013 với doanh thu bảo hiểm vật nuôi đạt 4,3 tỷ đồng. Tuy nhiên số lượng bò, bê được bồi thường và tổng chi phí bồi thường cũng

liên tục tăng lên trong 3 năm (2011-2013) nên doanh thu từ quỹ bảo hiểm vật nuôi không đủ để chi trả bồi thường cho bò bê bị chết hoặc thải loại. Khoản thâm hụt này được hỗ trợ bởi quỹ dự phòng của công ty. Doanh thu từ bảo hiểm giá sữa đạt 3,1 tỷ đồng trong năm 2013. Tuy nhiên trong những năm gần đây do giá sữa tương đối ổn định nên quỹ bảo hiểm giá sữa chưa phải chi trả bồi thường. Tổng tiền quỹ bảo hiểm giá sữa của công ty đã đạt 16,8 tỷ đồng vào năm 2013.

3.2.2. Cơ chế hoạt động của MHBH cho CNBS của công ty CPGBS Mộc Châu

a. Cơ cấu tổ chức của Ban quản lý quỹ bảo hiểm

Ban quản lý quỹ bảo hiểm đại diện cho công ty quản lý quỹ bảo hiểm cho CNBS của công ty. Ban quản lý quỹ bảo hiểm do các hộ chăn nuôi tham gia mua bảo hiểm bầu ra, nhiệm kỳ của Ban quản lý quỹ là 5 năm. Ban quản lý quỹ có 13 thành viên, bao gồm 1 trưởng ban, 1 kế toán, 1 cán bộ thú ý và 10 quản trị khu vực đại diện cho hộ chăn nuôi ở 10 khu vực CNBS của Công ty. Các quản trị khu vực này do các hộ chăn nuôi ở từng khu vực bầu ra và có trách nhiệm giám sát hoạt động chăn nuôi cũng như tình trạng ốm đau, chết, loại thải của đàn bò sữa của các hộ chăn nuôi thuộc khu vực mình quản lý. Trưởng ban điều hành, chịu trách nhiệm toàn bộ mọi hoạt động và tổ chức quản lý nhằm đạt được mục tiêu của Quỹ đã đề ra. Trưởng ban cũng là người thay mặt ban điều hành ký các quyết định, văn bản, sổ sách, chứng từ trong quá trình hoạt động, đồng thời chịu trách nhiệm ký hợp đồng BH đối với các hộ chăn nuôi theo đúng quy định.

Bảng 1. Kết quả CNBS trên địa bàn huyện Mộc Châu

Chỉ tiêu	Năm 2011	Năm 2012	Năm 2013	Tốc độ phát triển (%)		
				2012/2011	2013/2012	Bình quân/năm
Số bò sữa (con)	8319	10211	14618	122,7	143,2	132,6
NSBQ (kg/con/ngày)	19,5	20,6	20,9	105,6	101,5	103,5
Sản lượng (tấn)	34600	46720	55757	135,0	119,3	126,9
Giá sữa BQ (1000đ/kg)	11,6	12,6	13,0	108,6	103,2	105,9
Giá trị sữa (tỷ đồng)	401,4	588,7	724,8	146,7	123,1	134,4

Nguồn: CTCPGBS Mộc Châu, 2014a

**Bảng 2. Khái quát kết quả hoạt động của MHBH cho CNBS
của công ty CPCPGBS Mộc Châu**

	Chỉ tiêu	ĐVT	2011	2012	2013
Quỹ BH vật nuôi	Tổng số bò, bê được mua BH	Con	6.143	7.419	9.411
	Doanh thu BH vật nuôi	Tr.đ	2.986	3.679	4.349
	Doanh thu khác	Tr.đ	450	660	820
	Tổng doanh thu	Tr.đ	3.436	4.339	5.169
	Số bò, bê chết, thải	Con	603	790	935
	Số bò, bê được bồi thường BH	Con	538	693	825
	Tổng chi bồi thường	Tr.đ	3.769	4.709	5.571
Quỹ BH giá sữa	Doanh thu BH giá sữa	Tr.đ	1.730	2.336	3.120
	Năm trước chuyển sang	Tr.đ	9.680	11.410	13.746
	Tổng doanh thu	Tr.đ	11.410	13.746	16.866
	Tổng chi bồi thường	Tr.đ	0	0	0

Nguồn: CTCPGBS Mộc Châu, 2014a

b. Xác định đối tượng tham gia bảo hiểm

Quỹ bảo hiểm cho CNBS là do Công ty lập ra để giảm nhẹ rủi ro cho hộ chăn nuôi trong công ty, với mục đích khuyến khích và tạo điều kiện cho hộ chăn nuôi yên tâm đầu tư vào sản xuất. Do vậy đối tượng tham gia bảo hiểm chủ yếu là các hộ CNBS của công ty, được công ty kiểm soát về đất đai và những hộ cam kết ký hợp đồng bán sữa nguyên liệu cho công ty.

Tuy vậy, trước khi ký hợp đồng bảo hiểm, Ban quản lý quỹ bảo hiểm sẽ cử một đoàn đánh giá đến kiểm tra thực tế tình hình CNBS của hộ như điều kiện chuồng trại (phải đảm bảo các yêu cầu kỹ thuật có sân chơi, có khu xử lý phân thải), chế độ dinh dưỡng (4 gam tinh bột/kg sữa, uống 40-50 lít nước/ngày, bổ sung đạm và năng lượng trong mùa khô), quy trình kỹ thuật, năng lực chăn nuôi và tình trạng sức khỏe của đàn bò. Các hộ đáp ứng được các tiêu chí đạt ra của quỹ BH mới được tham gia mua bảo hiểm cho đàn bò của mình. Đối với những hộ chưa đạt tiêu chuẩn, quỹ bảo hiểm sẽ yêu cầu hộ chăn nuôi sửa chữa chuồng trại, thay đổi chế độ dinh dưỡng, áp dụng quy trình kỹ thuật theo hướng dẫn... sau đó sẽ tiến hành kiểm tra lại cho đến khi hộ đáp ứng đủ yêu cầu mới được tham gia mua bảo hiểm cho đàn bò. Số liệu điều tra cho thấy 100% hộ đều đáp ứng được các tiêu chuẩn đạt ra về năng lực chăn nuôi, về sức khỏe đàn

bò. Tuy nhiên vẫn còn tới 11,5%, 6,2% và 3,1% số hộ chưa đáp ứng được yêu cầu về chuồng trại, quy trình kỹ thuật chăn nuôi và chế độ dinh dưỡng khi bắt đầu tham gia mua bảo hiểm cho đàn bò của mình (Bảng 3).

Khi hộ được xác định đã đáp ứng đủ các điều kiện thì hai bên sẽ ký kết hợp đồng bảo hiểm. Hợp đồng bảo hiểm được ban điều hành quỹ bảo hiểm xây dựng và đưa ra lấy ý kiến của các hộ chăn nuôi. Trong đó, bên A là CTCPGBS Mộc Châu, bên B là chủ hộ chăn nuôi. Trong hợp đồng bảo hiểm quy định rõ trách nhiệm của các bên tham gia, điều kiện chi trả bảo hiểm, thời gian thực hiện hợp đồng và xử lý vi phạm hợp đồng. Hợp đồng bảo hiểm thường có thời hạn 1 năm, hợp đồng được ký kết lần đầu khi hộ chăn nuôi bắt đầu tham gia bảo hiểm và những lần sau được ký vào tháng 1 hàng năm. Hộ chăn nuôi có thể tham gia một hoặc cả hai hình thức bảo hiểm là bảo hiểm vật nuôi và bảo hiểm giá sữa.

Mức phí bảo hiểm cho từng loại bò là khác nhau và có điều chỉnh tăng lên trong năm 2011 so với năm 2010. Mức bồi thường trong trường hợp bò cái sinh sản chết trong năm 2012 và 2013 là 12 triệu đồng/con, cao gấp 20 lần mức phí bảo hiểm, cho bò cái sinh sản bị thải loại là 8 triệu đồng/con (gấp 13 lần mức phí bảo hiểm). Đối với bảo hiểm giá sữa, mỗi hộ sẽ đóng 50

Bảng 3. Đánh giá hiện trạng trước khi tham gia BH của nhóm hộ điều tra

Chỉ tiêu	Yêu cầu (n = 96)				
	Chuồng trại	Chế độ dinh dưỡng	Quy trình kỹ thuật	Sức khỏe đàn bò	Năng lực chăn nuôi
Số hộ đạt tiêu chí (hộ)	85	93	90	96	96
Tỷ lệ hộ đạt tiêu chí (%)	88,5	96,9	93,8	100	100
Tỷ lệ hộ không đạt (%)	11,5	3,1	6,2	0,0	0,0

Nguồn: Số liệu điều tra, 2014

Bảng 4. Mức phí BH và mức được bồi thường trong hợp đồng BH (triệu đồng)

Chủng loại	Mức đóng phí BH			Mức bồi thường khi bị chết			Mức bồi thường khi bị thải loại		
	2010	2011	2012- 2013	2010	2011	2012-2013	2010	2011	2012-2013
Bò cái sinh sản	0,5	0,6	0,6	8	10	12	5	7	8
Bò cái tơ	0,4	0,4	0,4	6	6	7	4	4	5
Bê	0,2	0,2	0,2	2,5	2,5	3	1,5	1,5	2

Nguồn: CTCPGBS Mộc Châu, 2014b

đồng/kg sữa tươi bán cho công ty. Trong trường hợp giá sữa trên thị trường giảm 25-30% thì quỹ bảo hiểm của công ty sẽ chi trả bằng 60% giá chênh lệch. Mức phí bảo hiểm và mức bồi thường được điều chỉnh hàng năm dựa theo ý kiến thảo luận và thống nhất giữa hộ CNBS và ban quản lý quỹ bảo hiểm của công ty (Bảng 4).

c. Các hoạt động hỗ trợ hộ chăn nuôi tham gia bảo hiểm của công ty

Để khuyến khích các hộ chăn nuôi tham gia bảo hiểm cho đàn bò của mình, đồng thời tạo điều kiện thuận lợi cho các hộ phát triển đàn bò sữa, công ty đã thực hiện nhiều hoạt động hỗ trợ các hộ đang tham gia mua bảo hiểm. Hàng tháng công ty có chương trình khuyến nông tới từng hộ CNBS để giới thiệu về quy trình kỹ thuật nuôi an toàn và hạn chế rủi ro (như khuyến cáo xây dựng sân chơi cho bò, tiêm các loại vacxin phòng dịch cho bò mới đẻ, mùa đông che chắn, sưởi ấm cho đàn bò, tăng chế độ ăn dinh dưỡng). Công ty cũng tổ chức tuyên truyền, vận động các hộ chăn nuôi áp dụng các quy trình kỹ thuật hiện đại nhằm nâng cao chất lượng và năng suất sữa.

Khi tham gia mua bảo hiểm, ngoài việc được hưởng số tiền bồi thường bảo hiểm khi rủi

ro xảy ra thì hộ chăn nuôi còn được hưởng hỗ trợ của công ty như: hỗ trợ 700 đồng/kg thức ăn tinh bột, 1.000 đồng/kg cỏ Alfalfa, hỗ trợ tiền tiêm phòng, thụ tinh nhân tạo, hỗ trợ vay vốn (từ 50 - 70% vốn) cho các hộ chăn nuôi đầu tư mở rộng sản xuất, hỗ trợ phát triển đàn bò (5 triệu đồng/con bò mới mua về), bình xét thi đua khen thưởng...Ngoài ra, Công ty còn áp dụng mức tiền thưởng 400 - 600 đồng/kg sữa đạt chất lượng. Với cách làm này, công ty đã góp phần thay đổi nhận thức của người chăn nuôi, giúp họ yên tâm về đầu ra, nhận được nhiều lợi ích lâu dài khi tham gia mua bảo hiểm và đặc biệt không lo lắng khi xảy ra những rủi ro. Chính vì vậy số hộ tham gia bảo hiểm của công ty ngày càng tăng lên.

d. Xác định mức bồi thường và hình thức bồi thường thiệt hại khi rủi ro xảy ra

Khi có bò bê bị ốm, hộ chăn nuôi phải kịp thời báo cáo cho nhân viên thú y phụ trách khu vực chăn nuôi của mình để được phép điều trị. Trong trường hợp hộ chăn nuôi tự điều trị cũng phải báo cáo để cán bộ thú y chẩn đoán, kê đơn và hướng dẫn giúp đỡ. Khi bò, bê gặp rủi ro bị chết hoặc bị thải loại hộ nông dân phải báo cho bộ phận chuyên môn để tiến hành kiểm tra,

giám định để làm thủ tục bồi thường. Ngoài ra, hộ chăn nuôi cũng phải báo cáo nguyên nhân xảy ra rủi ro, các biện pháp đã áp dụng để phòng chống rủi ro để làm cơ sở cho công tác giám định tổn thất trước khi được đền bù bảo hiểm. Ngay sau khi được thông báo về tình hình tổn thất của hộ chăn nuôi, quỹ bảo hiểm của Công ty sẽ cử một đoàn kiểm tra đi giám định tổn thất (bao gồm cán bộ thú y, quản trị khu vực, cán bộ khuyến nông và thường trực quỹ bảo hiểm của công ty). Đoàn kiểm tra sẽ xác định nguyên nhân xảy ra rủi ro có thuộc phạm vi bảo hiểm hay không. Nếu rủi ro xảy ra thuộc phạm vi bảo hiểm thì sẽ tiếp tục xác định mức độ tổn thất, giá trị tổn thất và lập biên bản giám định với sự chứng kiến của các bên có liên quan. Căn cứ vào biên bản kiểm tra và giám định, trưởng ban điều hành Quỹ bảo hiểm sẽ quyết định hộ chăn nuôi có được hưởng bảo hiểm hay không và mức bảo hiểm như thế nào. Nếu hộ được quỹ bảo hiểm bồi thường thì có thể nhận bồi thường theo hai hình thức là bồi thường bằng bò hoặc bồi thường bằng tiền.

- Bồi thường bằng bò: Mỗi năm công ty sẽ xác định mức đầu con tối thiểu của một hộ chăn nuôi trên một đơn vị diện tích (từ 10 - 15 con/ha tùy theo năm). Đối với những hộ gặp rủi ro mà chưa đủ số đầu con quy định thì để được chi trả

bảo hiểm hộ chăn nuôi phải mua số bò, bê tương ứng với số con chết, thải để bổ sung đảm bảo duy trì số lượng đàn bò. Hộ chăn nuôi có thể tự tìm mua bên ngoài hoặc đăng ký mua từ Trung tâm Giống của công ty theo giá được công ty xác định tại thời điểm đó. Nếu hộ chăn nuôi không mua thêm bò, bê hao hụt thì sẽ không được thanh toán bảo hiểm, đồng thời cũng không được hưởng các chính sách hỗ trợ, tiền thưởng trong năm đó.

- Bồi thường bằng tiền: Hình thức này chỉ áp dụng đối với những hộ chăn nuôi đã có đủ số đầu con quy định, không có nhu cầu mua thêm. Khi đó quỹ bảo hiểm sẽ bồi thường thiệt hại bằng tiền theo quy định. Số tiền này sẽ được trả cho hộ chăn nuôi vào tháng kế tiếp (cộng vào tiền bán sữa).

Theo đánh giá của hộ điều tra thì quỹ bảo hiểm của công ty đã thực hiện công tác bồi thường thiệt hại khá tốt theo đúng phương châm cho hoạt động này là “nhanh chóng và chính xác” để bảo đảm cho hộ CNBS nhanh chóng khôi phục sản xuất sau rủi ro. Theo kết quả giám định trong giai đoạn 2011 - 2013, 91,4 - 92,7% số bò yêu cầu bảo hiểm được chấp nhận bồi thường (Bảng 5). Tổng số bò bê được bảo hiểm là 191 con, bao gồm bò bê bị chết (37 con) và bò bê bị thải loại (154 con). Tổng số tiền mà các hộ điều tra nhận bồi thường là 1,37 tỷ đồng (Bảng 6).

Bảng 5. Kết quả giám định rủi ro đối với bò yêu cầu được bảo hiểm của hộ điều tra

Năm	Số bò yêu cầu BH (con)	Số bò được BH		Số bò không được BH	
		SL (con)	Tỷ lệ (%)	SL (con)	Tỷ lệ (%)
2011	142	132	92,3	10	7,7
2012	198	181	91,4	17	8,6
2013	206	191	92,7	15	7,3

Nguồn: Tổng hợp số liệu điều tra, 2014

Bảng 6. Tình hình bồi thường BH cho bò của hộ điều tra trong năm 2013

Loại rủi ro	Số lượng (con)				Tổng số tiền được bồi thường (tr.đ)
	Bò sinh sản	Bò tơ	Bê	Tổng số	
1. Bị chết	15	12	10	37	294,0
2. Bị thải loại	110	37	7	154	1.079,0
Tổng số	125	49	17	191	1.373,0

Nguồn: Tổng hợp số liệu điều tra, 2014

Bảng 7. Tổng hợp ý kiến đánh giá và MHBH cho CNBS của công ty (%)

	Xác định đối tượng tham gia bảo hiểm	Thủ tục tham gia bảo hiểm	Cơ chế hỗ trợ khi tham gia bảo hiểm	Mức phí bảo hiểm	Mức bồi thường khi có rủi ro	Thủ tục giám định rủi ro và bồi thường
1. Ý kiến đánh giá của hộ chăn nuôi (n = 96)						
Hợp lý	64,0	36,0	59,0	42,0	80,0	44,0
Tương đối hợp lý	27,0	28,0	34,0	46,0	20,0	43,0
Chưa hợp lý	9,0	36,0	7,0	12,0	0,0	13,0
2. Ý kiến đánh giá của cán bộ quỹ bảo hiểm (n=13)						
Hợp lý	100,0	30,8	84,6	61,5	100,0	53,8
Tương đối hợp lý	0,0	46,2	15,4	38,5	0,0	46,2
Chưa hợp lý	0,0	23,0	0,0	0,0	0,0	0,0

Nguồn: Tổng hợp số liệu điều tra, 2014

e. Giải quyết thắc mắc, khiếu nại

Rủi ro trong CNBS có thể do nhiều nguyên nhân khác nhau và đôi khi khó được xác định một cách chính xác. Hơn nữa, việc đánh giá nguyên nhân rủi ro cũng có thể mang tính chủ quan nên việc hộ CNBS không đồng tình với kết quả giám định và phương án giải quyết của ban quản lý quỹ bảo hiểm là điều không thể tránh khỏi. Theo kết quả điều tra, 21 hộ trong tổng số hộ được đã từng có khiếu nại về kết quả giám định trong giai đoạn 2011-2013. Nguyên nhân khiếu nại bao gồm việc đánh giá sai nguyên nhân rủi ro (28,6%), thực hiện sai quy trình bồi thường (19,0%) hoặc hộ không đồng ý với kết quả giải quyết của quỹ bảo hiểm (52,4%). Khi có những ý kiến khiếu nại, ban quản lý quỹ bảo hiểm sẽ tiến hành giám định lại, tiến hành giám định bằng nhiều phương pháp nhằm xác định một cách chính xác nguyên nhân rủi ro, thực hiện đúng quy trình bảo hiểm... để đảm bảo sự công bằng cho các hộ chăn nuôi

3.2.3. Ý kiến đánh giá của hộ điều tra về cơ chế hoạt động của mô hình BH

Đa số các ý kiến của các hộ chăn nuôi và cán bộ quỹ bảo hiểm đều đánh giá cao tính hợp lý trong việc xác định đối tượng tham gia bảo hiểm, cơ chế hỗ trợ khi tham gia BH và mức phí bảo hiểm và mức bồi thường khi có rủi ro xảy ra (Bảng 7). Tuy nhiên một tỷ lệ đáng kể ý kiến của người dân cho rằng (36%) thủ tục tham gia

bảo hiểm khá phức tạp. Điều này là do để được tham gia bảo hiểm, các hộ chăn nuôi phải được cán bộ công ty kiểm tra, đánh giá tình hình chăn nuôi và chỉ khi nào hộ chăn nuôi đạt đầy đủ các yếu tố từ chuồng trại, kỹ thuật chăn nuôi đến sức khỏe đàn bò, năng lực chăn nuôi... thì mới được chấp nhận tham gia bảo hiểm. Nhiều hộ chăn nuôi cho rằng thủ tục này khá rườm rà và mất nhiều thời gian nên cần được rút gọn hơn, đơn giản hơn. Ngoài ra một số hộ (13%) còn cho rằng thủ tục giám định rủi ro cũng tương đối phức tạp vì việc giám định chỉ được thực hiện khi có mặt đầy đủ các thành phần (cán bộ thú y, cán bộ khuyến nông, quản trị khu vực...).

3.3. Một số bài học kinh nghiệm rút ra từ mô hình BH cho CNBS của công ty cổ phần giống bò sữa Mộc Châu

MHBH cho CNBS ở CTCPGBS Mộc Châu đã giúp cho các hộ nông dân yên tâm chăn nuôi, đồng thời cũng giúp cho công ty có nguồn cung sữa nguyên liệu ổn định và đảm bảo chất lượng. Một số bài học kinh nghiệm có thể được rút ra từ sự thành công của MHBH của công ty như sau:

(1) Quỹ bảo hiểm trực thuộc công ty nhưng được quản lý chủ yếu bởi các hộ CNBS. Chính các hộ CNBS là người tham gia đóng góp ý kiến về xác định đối tượng tham gia, nội dung hợp đồng, mức phí bảo hiểm và mức bồi thường khi có rủi ro xảy ra... Ban quản lý quỹ bảo hiểm có 10 thành viên (trong tổng số 13 thành viên) là đại diện cho các hộ CNBS ở 10 đơn vị khác

nhau. MHBH này được coi là mô hình tự quản của hộ chăn nuôi.

(2) Các hộ CNBS chỉ có thể được tham gia mua bảo hiểm cho đàn bò của mình khi đáp ứng được các yêu cầu đặt ra trong chăn nuôi bao gồm yêu cầu về chuồng trại, về chế độ dinh dưỡng, về quy trình kỹ thuật, về sức khỏe của đàn bò và về năng lực chăn nuôi. Qua đó giảm thiểu được rủi ro cho đàn bò đã được mua bảo hiểm.

(3) Các hộ tham gia bảo hiểm được công ty hỗ trợ cả về kỹ thuật (thông qua tập huấn), hỗ trợ phòng trừ dịch bệnh (tiêm vacxin, chữa bệnh), hỗ trợ một phần các khoản chi phí đầu vào cho CNBS (thức ăn tinh bột, cỏ, giống bò...) và hỗ trợ trong mua sữa nguyên liệu (mua với mức giá cao hơn từ 400-600đ/kg sữa nguyên liệu trong trường hợp sữa nguyên liệu đảm bảo chất lượng tốt). Qua đó người chăn nuôi thấy rõ được lợi ích của việc tham gia bảo hiểm.

(4) Công tác giám định rủi ro được tiến hành với sự tham gia của nhiều thành phần (cán bộ của công ty, cán bộ thú y của quỹ bảo hiểm, quản trị khu vực, hộ chăn nuôi), qua đó đảm bảo được tính khách quan giúp cho việc xác định được mức bồi thường một cách công bằng, chính xác giữa các hộ tham gia bảo hiểm.

(5) Hình thức bồi thường khi xảy ra rủi ro linh hoạt: hoặc là bồi thường bằng bò hoặc bồi thường bằng tiền tùy theo quy mô đàn bò tính trên một đơn vị diện tích của hộ và tùy theo nhu cầu của hộ (nếu đã đáp ứng được yêu cầu về quy mô đàn bò). Qua đó giúp cho việc ổn định và phát triển quy mô đàn bò cung cấp sữa cho công ty.

Mặc dù MHBH cho chăn nuôi bò sữa của công ty tương đối thành công, nhưng rõ ràng đây là một trường hợp điển hình vì mối quan hệ đặc biệt giữa công ty và hộ chăn nuôi: (1) hộ CNBS là công nhân của nông trường trước kia và nhận đất giao khoán của công ty cho CNBS; (2) CTCPGBS Mộc Châu cũng là đơn vị thu mua toàn bộ lượng sữa của các hộ CNBS trong khu vực. Thực tế, mô hình vẫn có một số hạn chế nhất định, bao gồm:

(1) Doanh thu từ quỹ bảo hiểm vật nuôi chưa đủ bù đắp tổng số tiền bồi thường cho bò bê chết và loại thải; quỹ bảo hiểm vẫn cần có sự hỗ trợ của công ty (trích quỹ dự phòng của công ty để bù đắp phần thiếu hụt). Do vậy công ty cần xác định mức phí bảo hiểm và mức bồi thường hợp lý hơn, đồng thời cần tăng cường các biện pháp hỗ trợ để giảm thiểu rủi ro cho hộ CNBS.

(2) Việc xác định nguyên nhân xảy ra rủi ro đôi khi chưa thực sự có tính thuyết phục cao. Điều này là do trình độ chuyên môn của đội ngũ cán bộ làm công tác giám định rủi ro còn một số hạn chế. Tăng cường đào tạo, tập huấn nâng cao trình độ chuyên môn cho đội ngũ cán bộ giám định rủi ro là vấn đề cần được quan tâm hơn.

4. KẾT LUẬN

MHBH cho CNBS ở công ty cổ phần giống bò sữa Mộc Châu đã được hình thành và phát triển từ năm 2004. Đến nay MHBH gồm hai loại hình bảo hiểm là bảo hiểm vật nuôi và bảo hiểm giá sữa. Hiện đã có trên 500 hộ chăn nuôi, chủ yếu là các hộ có chủ hộ là công nhân nông trường trước đây tham gia mua bảo hiểm cho 9.411 con bò bê của mình. MHBH đã tạo điều kiện cho các hộ chăn nuôi yên tâm sản xuất, đồng thời cũng giúp cho nguồn cung sữa nguyên liệu của công ty ổn định và đảm bảo chất lượng. Sự thành công của MHBH của công ty xuất phát từ cơ chế hoạt động của mô hình được xây dựng dựa trên sự tham gia đóng góp ý kiến của chính các hộ CNBS, từ yêu cầu chặt chẽ về đối tượng được tham gia mua bảo hiểm, từ hoạt động hỗ trợ kỹ thuật và tài chính của công ty cho các hộ tham gia bảo hiểm, từ hình thức đền bù linh hoạt và từ công tác giám định khi xảy ra rủi ro một cách khách quan, chính xác. Đa số ý kiến đánh giá đều cho rằng cơ chế xác định đối tượng tham gia bảo hiểm, cơ chế hỗ trợ khi tham gia bảo hiểm, mức phí bảo hiểm, mức bồi thường khi có rủi ro xảy ra cũng như cơ chế giám định rủi ro là hợp lý. Đây là những bài học kinh nghiệm quan trọng cho việc thiết kế các chương trình bảo hiểm nông nghiệp, đặc biệt là bảo hiểm cho vật nuôi trong tương lai.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

CTCPGBS Mộc Châu (2014a). Báo cáo về tình hình hoạt động của Quỹ bảo hiểm cho chăn nuôi bò sữa của công ty năm 2013.

CTCPGBS Mộc Châu (2014b). Báo cáo tổng kết về tình hình chăn nuôi bò sữa của công ty năm 2013.

Đức Hiền (2014). Mộc Châu phát triển chuỗi liên kết bò sữa. Truy cập ngày 10 tháng 8 năm 2015 tại

<http://www.baomoi.com>

Thanh Nguyên (2011). Bảo hiểm bò sữa Mộc Châu: Một cách làm hiệu quả. Truy cập ngày 10 tháng 8 năm 2015 tại <http://www.baomoi.com>.

Thảo Nguyên (2014). Bảo hiểm nông nghiệp: “Phao” của nông dân Mộc Châu. Truy cập ngày 12 tháng 9 năm 2015 tại <http://www.tienphong.vn>.

Yamane, Taro (1967). Statistics: An Introductory Analysis, 2nd Edition, New York: Harper and Row.